

Số: 28/QĐ-CKXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp  
tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**

Căn cứ Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số: 5160/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số: 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số: 1446/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTr ngày 29/9/2023 của Hội đồng trường Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Phó Hiệu trưởng; Trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Trường (dề t/h);
- Lưu: VT, KHĐT, TCKT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Văn Tự**

## QUY ĐỊNH

**Chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp  
tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng**  
(Kèm theo Quyết định số 180/QĐ-CKXD ngày 29 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp và giáo viên dạy các môn văn hóa phổ thông giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với giáo viên dạy các môn văn hóa phổ thông, giáo viên giáo dục nghề nghiệp (Sau đây gọi là giáo viên), viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp, viên chức có tham gia giảng dạy trình độ trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tại Trường.

#### Điều 2. Giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng

1. Giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến. Một giờ chuẩn giảng dạy trực tuyến được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp.

Hiệu trưởng giao trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo và các trưởng khoa căn cứ số học viên, học sinh cụ thể của lớp học và quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để quy đổi giờ chuẩn đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Trường và đặc điểm của từng nghề.

2. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a, Một giờ dạy lý thuyết là 45 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

b, Một giờ dạy tích hợp (kết hợp cả lý thuyết và thực hành) là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

c, Một giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ giảng được xác định là số giờ chuẩn cho mỗi giáo viên phải giảng dạy, được quy định theo năm học (tính từ 01/9 năm nay đến 31/8 năm sau liền kề).



## Chương II

# NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁO VIÊN

### Điều 3. Nhiệm vụ

1. Công tác giảng dạy, bao gồm:
  - a, Chuẩn bị giảng dạy: Soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy mô-đun, tín chỉ, môn học được phân công giảng dạy;
  - b, Giảng dạy mô-đun, tín chỉ, môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;
  - c, Đánh giá kết quả học tập của học sinh gồm: Soạn đề kiểm tra, coi kiểm tra, đánh giá kiểm tra định kỳ.
2. Coi thi, đánh giá kết thúc mô-đun, tín chỉ, môn học; chấm thi tốt nghiệp của học sinh.
3. Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định.
4. Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho học sinh giỏi tham gia kỳ thi các cấp.
5. Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, tín chỉ, môn học được phân công giảng dạy.
6. Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp.
7. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh.
8. Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.
9. Tham gia bồi dưỡng cho giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa và của Trường.
10. Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất.
11. Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia công tác quản lý đào tạo.
12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của hiệu trưởng.

### Điều 4. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian làm việc của giáo viên là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ, trong đó:
  - a, Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học sinh: 36 tuần;

b, Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học: 04 tuần đối với giáo viên dạy trình độ trung cấp. Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm của từng nghề và trên cơ sở đề xuất của trường phòng Kế hoạch - Đào tạo và các trường khoa để quy định về nghiên cứu khoa học đối với giáo viên và quyết định số giờ nghiên cứu khoa học tối thiểu mà giáo viên phải thực hiện trong năm học;

c, Thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần;

d, Trường hợp giáo viên sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học theo quy định trên cơ sở đề xuất của trường phòng Kế hoạch - Đào tạo và các trường khoa hiệu trưởng quy đổi thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng giao. Số giờ quy đổi được tính thêm vào định mức giờ giảng trong năm học của giáo viên. Tính số giờ quy đổi theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian không sử dụng để học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học với thời gian thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục người học được quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá quy định tại điểm b Khoản này thì được giảm giờ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Quy định này.

2. Thời gian làm việc của giáo viên dạy các môn văn hóa phổ thông trong năm học là 42 tuần, trong đó:

- a, 37 tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục;
- b, 03 tuần dành cho học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ;
- c, 01 tuần dành cho việc chuẩn bị năm học mới;
- d, 01 tuần dành cho việc tổng kết năm học.

3. Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên là 06 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm; của viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tham gia giảng dạy được quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này là 04 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm. Trong thời gian nghỉ hè giáo viên, viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tham gia giảng dạy được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có). Ngoài thời gian nghỉ hè giáo viên, viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tham gia giảng dạy được nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động.

Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện thực tế của Trường, phòng Kế hoạch - Đào tạo đề xuất hiệu trưởng bố trí cho giáo viên; viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tham gia giảng dạy nghỉ hè vào thời gian thích hợp.

### **Điều 5. Định mức giờ giảng**

1. Định mức giờ giảng của giáo viên giáo dục nghề nghiệp trong một năm học: 500 giờ chuẩn/năm học.



2. Định mức giờ giảng của giáo viên dạy các môn văn hóa phổ thông là: 629 giờ chuẩn/năm học.

3. Định mức giờ giảng giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng ở cấp trình độ trung cấp. Đối với giờ giảng trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác, căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm của từng nghề đào tạo, mức thu kinh phí, học phí theo từng lớp, từng hợp đồng, số giờ giảng trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác của giáo viên (không được tính vào định mức giờ giảng được quy định tại khoản 1, 2 Điều này) sẽ được thanh toán theo dự trù, đề nghị của các đơn vị trực thuộc Trường nhưng mức thanh toán không thấp hơn mức thanh toán vượt giờ cho giáo viên được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

4. Định mức giờ giảng đối với viên chức quản lý; viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a, Chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng: 40 giờ chuẩn/năm;

b, Phó hiệu trưởng: 50 giờ chuẩn/năm;

c, Trưởng phòng, giám đốc Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Dịch vụ việc làm: 70 giờ chuẩn/năm;

d, Phó trưởng phòng, phó giám đốc Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và dịch vụ việc làm: 90 giờ chuẩn/năm;

đ, Đối với viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại các phòng chức năng: 100 giờ chuẩn/năm;

5. Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác có tiêu chuẩn phù hợp để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao và nhu cầu của Trường, hiệu trưởng giao trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo thống nhất với các khoa để bố trí, sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy và được thanh toán phụ cấp đúng lớp theo quy định.

### **Chương III** **CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ, GIẢM GIỜ GIẢNG VÀ QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN KHÁC RA GIỜ CHUẨN**

#### **Điều 6. Chế độ dạy thêm giờ**

1. Trong năm học, giáo viên, viên chức quản lý; viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy có số giờ giảng dạy vượt định mức giờ giảng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 5 của Quy định này thì được tính là dạy thêm giờ.

2. Đối với giáo viên: Số giờ dạy thêm không vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

3. Đối với viên chức quản lý; viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy: Số giờ dạy thêm không vượt quá định mức giờ giảng quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này.

4. Việc thanh toán thêm giờ cho giáo viên; viên chức quản lý; viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy được thanh toán theo quy định thanh toán vượt giờ cho giáo viên tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

### **Điều 7. Chế độ giảm định mức giờ giảng**

1. Giáo viên được bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý:

a, Giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp:

- Lớp trung cấp: Được giảm 112 giờ chuẩn/1 lớp/khóa học 1.5 năm; 150 giờ chuẩn/1 lớp/khóa học 02 năm.

- Lớp văn hóa phổ thông: Được giảm 148 giờ /1 lớp/năm học.

b, Giáo viên phụ trách phòng học chuyên môn/xưởng thực hành: Được giảm 50 giờ chuẩn/1 phòng, xưởng/năm học;

c, Giáo viên kiêm phụ trách thư viện: Được giảm 75 giờ chuẩn/năm học;

d, Giáo viên là trưởng khoa: Được giảm 150 giờ chuẩn/năm học; phó trưởng khoa được giảm 100 giờ chuẩn/năm học.

Giáo viên kiêm nhiều nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản này được tính tổng định mức giảm giờ giảng nhưng không vượt quá 50% định mức giờ giảng. Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện thực tế, số lượng giáo viên, số lượng học sinh để quyết định tỷ lệ giờ giảm cho từng trường hợp cụ thể.

2. Giáo viên kiêm công tác Đảng, đoàn thể:

a, Giáo viên kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn Trường, Bí thư Đoàn TNCSHCM Trường được giảm 100 giờ chuẩn/năm học; giáo viên kiêm cấp phó các chức danh nêu trên hoặc thư ký Hội đồng trường được giảm 75 giờ chuẩn/năm học.

b, Giáo viên kiêm nhiều chức vụ được giảm định mức giờ giảng ở mức cao nhất.

3. Không giảm trừ giờ giảng được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều này đối với viên chức quản lý, viên chức đang giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này.

4. Chế độ giảm giờ giảng đối với các giáo viên khác:

a, Giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao vượt quá thời gian quy định được giảm 14 giờ chuẩn/1 tuần học tập, bồi dưỡng;

b, Giáo viên trong thời gian tập sự được giảm 30% định mức giờ giảng;

c, Giáo viên là nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ giảng;



d, Giáo viên trong thời gian thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm định mức giờ giảng theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội với thời gian phải thực hiện công tác giảng dạy được quy định tại điểm a khoản 1, 2 Điều 4 của Quy định này.

### **Điều 8. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn**

#### 1. Giảng dạy:

a, Một giờ giảng dạy lý thuyết đối với lớp học có trên 35 học sinh thì 01 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn; đối với lớp học có trên 50 học sinh thì 01 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn.

b, Một giờ giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên khác được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

c, Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp (cấp Trường phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn. Hiệu trưởng căn cứ điều kiện cụ thể để phê duyệt và quy định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp hoặc thanh toán theo quy định về công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm.

#### 2. Soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp:

##### a, Soạn đề thi:

- + Một đề thi viết tự luận kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn;
- + Một đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2,5 giờ chuẩn;
- + Một đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;
- + Một đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

b, Coi thi: 01 giờ coi thi được tính bằng 0,5 giờ chuẩn;

##### c, Chấm thi:

- + Thi viết tự luận, thi trắc nghiệm được tính 0,2 giờ chuẩn/bài;
- + Thi vấn đáp được tính 0,4 giờ chuẩn/học sinh;
- + Thi thực hành được tính 0,4 giờ chuẩn/học sinh.

3. Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất: 1 ngày (8 giờ làm việc) được tính bằng 03 giờ chuẩn.

4. Bồi dưỡng cho giáo viên tham gia Hội giảng các cấp; cho học sinh tham gia kỳ thi tay nghề các cấp: 01 giờ luyện tập được tính là 1,5 giờ chuẩn.

5. Hiệu trưởng quyết định việc quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác chưa được quy định ra giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy cho giáo viên.

6. Các chế độ khác của giáo viên ngoài Quy định này được áp dụng theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định, quy định hiện hành khác của Trường.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Kế hoạch - Đào tạo chủ trì, đơn đốc, phối hợp với các đơn vị hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này.
2. Các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có 04 Chương, 10 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các đơn vị trực thuộc Trường gửi phản ánh bằng văn bản về phòng Kế hoạch - Đào tạo để tổng hợp trình hiệu trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

